ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC CAO LỘC

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTYT ngày 06/7/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Cao Lộc)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**			
I	**Số thu phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**
1	Lệ phí			
2	Phí	0	0	0
	Phí hành nghề Y, dược, ATTP, TTB			0
	Phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa			0
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**0**	**0**	**0**
1	*Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình*	0	0	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	*Chi quản lý hành chính*	0	0	0
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			0
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
III	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**69.475**	**69.475**	**0**
1	**Nguồn ngân sách trong nước**	**69.475**	**69.475**	**0**
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			0
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			0
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*			
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*			
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*			
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**69.475**	**69.475**	**0**
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	57.852	57.852	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.622	11.622	0
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**0**	**0**	**0**
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			0
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			0

6	**Chi hoạt động kinh tế**			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0**	**0**	**0**
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			0
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			0
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**0**	**0**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0**	**0**	**0**
4.1	+ Dự án Dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS tại tỉnh Lạng Sơn năm 2025			0
4.2	+ Dự án Dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS tại tỉnh Lạng Sơn năm 2024			0
5	**Chi bảo đảm xã hội**			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
6	**Chi hoạt động kinh tế**			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			

3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			